

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 23 tháng 01 năm 2024

THỎA THUẬN KHUNG

Số: 76/TTK

**V/v cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước
thuộc Gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh
Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023 – 2025**

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT, ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư 06/2023/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn 3957/UBND-TH ngày 16 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thuận chủ trương giao Sở Y tế mua sắm thuốc, hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế tập trung cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 – 2024;

Căn cứ Công văn 1604/UBND-TH ngày 17 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua thuốc, hóa chất và vật tư y tế;

Căn cứ Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-SYT ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-SYT ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Sở Y tế về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023 – 2025.



[Handwritten signature]

Hôm nay, ngày 23/01/2024, tại Sở Y tế. Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan ký thỏa thuận khung (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: **SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Địa chỉ : Khu phố 1, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Điện thoại : 02713879272

E-mail : nghiepvuduocbinhphuoc@gmail.com

Đại diện là bà: **Đỗ Thị Nguyên** - Chức vụ: Phó Giám Đốc Sở Y Tế

II. Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu : **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY**

Địa chỉ : NN1-NN1A Bạch Mã, Phường 15, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : 0283 863 2083 - Fax: 0283 977 0850

E-mail : thuytrang@khuongduy.com.vn

Tài khoản : 2041100414002 tại Ngân Hàng TMCP Quân Đội, CN Bắc Sài Gòn, TP.HCM

Mã số thuế : 0301329486

Đại diện là bà: **Nguyễn Thị Việt Hoa** - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023 – 2025 như sau:

1. Phạm vi cung cấp

- Phạm vi cung cấp là các mặt hàng thuốc trúng thầu theo số lượng của từng phần được phân bổ cho các cơ sở y tế trên địa bàn.

- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu và các cơ sở y tế trên địa bàn sẽ ký hợp đồng để cung ứng thuốc cho từng cơ sở y tế.

2. Thời gian, địa điểm giao hàng

- Nhà thầu giao hàng làm nhiều đợt trong thời gian 730 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực quy định trong hợp đồng. Các cơ sở y tế (bên mua) dự trữ số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế của từng đơn vị; nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với các cơ sở y tế được quy định trong hợp đồng. Bên mua có thể dự trữ hàng đợt xuất khi cần thiết phục vụ kịp thời cho công tác khám chữa bệnh.

- Địa điểm giao hàng: Hàng hóa được giao tại kho của bên mua theo danh mục các cơ sở y tế đính kèm thuộc Gói thầu mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023 – 2025.

3. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng

3.1. Điều kiện bàn giao hàng hóa

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho các cơ sở y tế

phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.

- Thuốc phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

- Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc theo quy định, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.

- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của các cơ sở y tế, Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc v.v., phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà nhà thầu đã đạt được. Khi giao nhận thuốc tại cơ sở y tế phải thực hiện kiểm nhập tất cả các thuốc trước khi nhập kho và lập biên bản kiểm nhập có đầy đủ nội dung kiểm nhập và chữ ký của các thành viên Hội đồng kiểm nhập theo đúng quy định.

3.2. Điều kiện thanh toán

- Phương thức thanh toán: Các cơ sở y tế ký hợp đồng mua bán với nhà thầu thực hiện thanh toán cho nhà thầu bằng chuyển khoản hoặc hình thức phù hợp theo quy định hiện hành.

- Thời hạn thanh toán không quá 90 ngày kể từ khi nhà thầu giao hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu (phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán được cụ thể trong hợp đồng).

3.3. Thanh lý hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành

- Hàng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.

- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung nêu tại Chương VI và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII của Hồ sơ mời thầu.

5. Trách nhiệm của Bên A

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung đến các cơ sở y tế thuộc phạm vi cung cấp của Thỏa thuận khung theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 của

Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu trong việc thương thảo và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.

- Công khai thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Sở Y tế và thông báo bằng văn bản đến các đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương.

- Cung cấp các thông tin cần thiết để các đơn vị trúng thầu tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các cơ sở y tế.

6. Trách nhiệm của bên B

- Tiến hành ký kết Thỏa thuận khung với Sở Y tế để cung cấp các mặt hàng thuốc thuộc gói thầu.

- Ký hợp đồng mua bán thuốc với các cơ sở y tế theo số lượng của từng mặt hàng đã phân bổ cho từng cơ sở y tế. Nhà thầu có trách nhiệm tổng hợp gửi về Sở Y tế tỉnh Bình Phước 1 bản hợp đồng đã ký kèm bản gốc bảo lãnh thực hiện hợp đồng do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (**nhà thầu thực hiện bảo lãnh thực hiện hợp đồng với Sở Y tế tỉnh Bình Phước**).

- Cung ứng đầy đủ thuốc và đúng tiến độ theo đúng chủng loại, số lượng, đơn giá không vượt quá giá trúng thầu đã được phê duyệt.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương VI và điều kiện cụ thể nêu tại Chương VII và nội dung của Bản cam kết được nêu trong Hồ sơ yêu cầu (đính kèm các bản cam kết của nhà thầu);

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng đã ký giữa Nhà thầu với các cơ sở y tế.

- Thực hiện chế độ báo cáo cho Sở Y tế tỉnh Bình Phước về tình hình bàn giao, tiếp nhận thuốc theo định kỳ hàng tháng, hàng quý và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

7. Hiệu lực và thời hạn thực hiện thỏa thuận khung

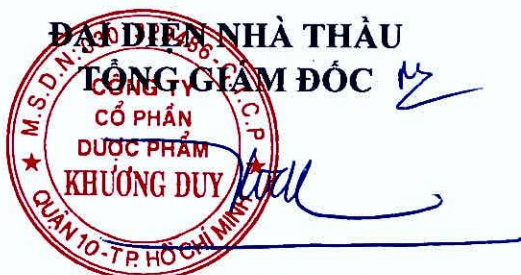
- Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ sở y tế ký hợp đồng mua thuốc với nhà thầu cung cấp thuốc.

- Thời gian thực hiện Thỏa thuận khung: 730 ngày.

8. Xử phạt do vi phạm

- Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận khung này được làm thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.



NGUYỄN THỊ VIỆT HOA



ĐỖ THỊ NGUYỄN



PHỤ LỤC THỎA THUẬN KHUNG

Mua thuốc generic cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước đợt 1 giai đoạn 2023 – 2025

TÊN NHÀ THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY

(Kèm theo thỏa thuận khung số 76/TTK, ký ngày 23 tháng 01 năm 2024)

STT	STT trong HSMT	Nhóm thuốc	Hoạt chất	Hàm lượng	SĐK/GPNK	Tên sản phẩm trúng thầu	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng đề nghị trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	Ghi chú
1	10	N2	Acetylleucin	500mg	893100338823 (VD-27543-17)	Stadleucin	viên nén	Uống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	2.200	841.000	1.850.200.000	
2	109	N2	Atorvastatin (dưới dạng atorvastatin calcium trihydrate) + Ezetimibe	10mg + 10mg	893110167023	Ezecept 10/10	viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	4.800	91.000	436.800.000	
3	235	N2	Clarithromycin Clarithromycin	500mg	VD-26559-17	Clarithromycin Stella 500mg	viên nén bao phim	Uống	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	3.700	115.000	425.500.000	
4	279	N2	Diltiazem hydroclorid	60mg	893110337323 (VD-27522-17)	Diltiazem Stella 60mg	viên nén	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	1.200	80.000	96.000.000	
5	478	N2	Irbesartan + Hydrochlorothiazid	300mg + 12,5mg	VD-35499-21	Irbeplus HCT 300/12.5	viên nén bao phim	Uống	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	3.200	30.000	96.000.000	
6	545	N2	Losartan kali	100mg	VD-23973-15	Lostad T100	viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	2.100	346.000	726.600.000	



STT	STT trong HSMT	Nhóm thuốc	Hoạt chất	Hàm lượng	SĐK/GPNK	Tên sản phẩm trúng thầu	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	Ghi chú
7	26	N3	Acyclovir	800mg	VD-23346-15	Acyclovir Stella 800mg	viên nén	Uống	Hộp 7 vi x 5 viên, Hộp 10 vi x 5 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	4.000	169.000	676.000.000	
8	118	N3	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	250mg/1,5g	893110352023 (VD-19693-13)	Azicine 250mg	thuốc bột uống	Uống	Hộp 6 gói x 1,5g	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Việt Nam	Gói	3.400	46.000	156.400.000	
9	319	N3	Entecavir (dưới dạng Entecavir monohydrat)	0,5mg	893114106923 (QLĐB-560-16)	Entecavir STELLA 0.5mg	viên nén bao phim	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	15.900	28.300	449.970.000	
10	328	N3	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol (magnesi dihydrat) vi hạt 22%)	20mg	VD-22345-15	Stadnex 20 CAP	viên nang cứng	Uống	Hộp 4 vi x 7 viên, Hộp 10 vi x 7 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	2.710	784.400	2.125.724.000	
11	391	N3	Gliclazid	80mg	VD-35321-21	Staclazide 80	viên nén	Uống	Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	1.800	666.400	1.199.520.000	
12	399	N3	Glimepirid	4mg	893110049823 (VD-23969-15)	Glimepiride Stella 4mg	viên nén	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên, Hộp 6 vi x 10 viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	930	254.000	236.220.000	
TỔNG SỐ KHOẢN: 12															8.474.934.000	